TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **266**/2018/HSPT
Ngày: 26/10/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Tấn Trường**

Các thẩm phán: Ông **Nguyễn Văn Tào**

Ông **Mai Xuân Thành**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Văn Thị Mỹ Thảo**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Đỗ Xuân Ân**, Kiểm sát viên.

Vào ngày 26 tháng 10 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 287/2018/TLPT-HS ngày 31 tháng 8 năm 2018 đối với bị cáo **Nguyễn Chiến T** về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*. Do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Chiến T, người bị hại Hoàng Thị T1, Nguyễn Thị N, Hoàng Thị H, Phạm Danh H1 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2018/HS-ST ngày 19/7/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Chiến T, sinh ngày: 19/02/1982, tại Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: thành phố H; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn T và bà Trịnh Thị Hoài T; con: Có 01 con sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/03/2017, hiện tại đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Chiến T theo yêu cầu của Tòa án: Bà **Trần Thị L** – Luật sư văn phòng luật sư T, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế; địa chỉ: thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (có mặt).

- Người bị hại có kháng cáo:

- Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1996; nơi cư trú: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt) .

- Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt).

- Chị Hoàng Thị T1, sinh năm 1998; nơi cư trú: thôn B, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt).

- Anh Phạm Danh H1, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn 10, xã Q, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt).

Ngoài ra trong vụ án còn có 18 người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác nhưng không kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

l. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của 20 người đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản:

Ngày 08/3/2016, Nguyễn Chiến T được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3301585220, thành lập công ty Trách nhiệm hữu hạn tư vấn dịch vụ A (Tên công ty viết tắt là A CO. LTD) có địa chỉ trụ sở chính tại thành phố H, với vốn điều lệ 500.000.000 đồng, chức vụ của T là Giám đốc. Ngoài ra, T còn kiêm nhiệm kế toán và thủ quỹ công ty. Chức năng chính của công ty là dạy ngoại ngữ, các kỹ năng, dạy tiếng Nhật, tư vấn dịch vụ, môi giới lao động, việc làm, đào tạo, cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước. Công ty của T không có chức năng đưa người đi xuất khẩu lao động ra nước ngoài.

T thuê các anh Trần Anh D và Nguyễn Văn H2 và hai sinh viên khoa tiếng Nhật trường Đại học ngoại ngữ H, là những người quen của mình (không rõ họ tên thật và địa chỉ của 04 người này) làm giáo viên dạy tiếng Nhật. Để có nguồn học viên tư vấn, đào tạo T nói với anh D và H2 cứ giới thiệu một người sẽ được hưởng tiền công môi giới 5.000.000 đồng/ 01 người. Đồng thời, T còn liên lạc qua FACEBOQK với hai người quen cũ của mình đang lao động tại Nhật là chị Nguyễn Thị H3 và chị N1 (không rõ họ tên thật, địa chỉ) giới thiệu mình mới thành lập công ty A chuyên đào tạo, cung ứng nguồn nhân lực đi làm việc tại Nhật theo chương trình thực tập sinh cho những công ty có chức năng xuất khẩu lao động, nếu chị H3 và chị N1 có bà con, anh em, bạn bè có nhu cầu đi Nhật làm việc thì giới thiệu cho T để hưởng tiền công môi giới cho mỗi người đi là 5.000.000 đồng/ người. Sau đó, T còn nói dối với chị H3 và chị N1 là "hiện

công ty có nhiều đơn hàng đi Nhật làm việc mà không cần qua thi tuyển, chỉ cần làm hồ sơ phái cử vẫn trúng tuyển, trong vòng 6 tháng chắc chắn đi được". Đồng thời, T tăng tiền công môi giới lên 10.000.000 đồng/ người. Vì vậy, các anh chị D, H2, H3 và N1 đều tin tưởng T làm việc chính đáng nên nhất trí sẽ tìm người giới thiệu cho T để hưởng tiền công môi giới.

Trong khoảng thời gian này, T khai có quen biết anh Nguyễn Văn T2, trú tại Huế là chủ quán cà phê N và T được anh T2 bán trang mạng Bóng88.com (kèm theo mật khẩu) và hướng dẫn cách chơi cá độ bóng đá qua mạng. Khoảng một tuần sau, giữa tháng 5/2016 thì T bị thua 80.000.000 đồng không có khả năng trả nợ, nên đã nảy sinh ý đồ gian dối nhằm mục đích lừa đảo chiếm đoạt tiền của những người được môi giới giới thiệu đến công ty A đăng ký học tập tiếng Nhật và các kỹ năng thực tập sinh để đi Nhật làm việc xuất khẩu lao động. Thủ đoạn của T là khi có người đến hỏi, đăng ký thi T giới thiệu bản thân mình từng đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản theo chương trình thực tập sinh, bây giờ là Giám đốc công ty A, một chi nhánh của công ty H tại thành phố Hồ Chí Minh có chức năng chuyên về xuất khẩu), lao động ra nước ngoài. Công ty A có rất nhiều đơn hàng đi Nhật làm việc theo diện hồ sơ "Phái cử", tức là không cần thi tuyển mà vẫn chắc chắn đi được, nhưng phải học tiếng Nhật tại công ty 6 tháng, tiền xuất cảnh trọn gói là 6.0000 USD, đặt cọc trước 4.000 USD, khi nào có lịch bay thì đóng tiếp 2.000 USD. Ngoài ra, còn phải nộp rất nhiều các khoản chi phí khác như: Giáo dục định hướng, chi phí làm hồ sơ, phí ký túc xá, tiền học tiếng Nhật, tiền may đồng phục, giáo trình, tiền bảo hiểm tự nguyện ở Nhật, tiền mua ba lô, va ly...Nghe T nói và hứa hẹn chắc chắn mọi người sẽ được đi xuất khẩu lao động theo diện "Phái cử" nên tất cả mọi người đều tin tưởng là T nói thật và đã đồng ý. Khi đã đăng ký tham gia thì T tiến hành thu tiền các khoản nêu trên (có phiếu thu). Sau đó, T phát cho mỗi người một bộ hồ sơ gồm có: Bản sơ yếu lý lịch, hợp đồng lao động song ngữ Việt Nhật, đơn tự nguyện và cam kết, bản thông tin cá nhân, phiếu xác minh, bản tự thuật, để kê khai theo mẫu T tự soạn, có xác nhận của chính quyền địa phương rồi nộp lại cho T. Trong đó, mẫu đơn tự nguyện và cam kết do T soạn có tiêu đề gửi cho công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ H tại thành phố Hồ Chí Minh. Đây là công ty có chức năng đưa người đi xuất khẩu lao động tại thị trường Nhật Bản và nước ngoài. Chính vì vậy, mọi người làm hồ sơ đều nhầm tưởng T làm việc cho công ty H. Đồng thời, T còn hướng dẫn cho mọi người đi làm hộ chiếu, chụp ảnh cá nhân, bản sao giấy chứng minh nhân dân và hộ khẩu giao lại cho T cất giữ tại công ty (có tất cả 18 người đã nộp hộ chiếu cho T, còn 02 người đang làm hộ chiếu chưa xong). Để tạo thêm niềm tin cho mọi người là T đang đào tạo cho họ được đi xuất khẩu lao động tại Nhật nhằm chiếm đoạt tiền của họ, T còn tổ chức các lớp

dạy tiếng Nhật và thuê các anh Trần Văn D, Nguyễn Văn H2, T3 và chị Nguyễn Thị V dạy và T còn thuê nhà trọ cho một số người khác ở lại từ tháng 8/2016.

Sau khi thu tiền đặt cọc theo thỏa thuận 88.000.000 đồng/người, tương đương với 4.000 USD/ người của những người đăng ký đi lao động tại Nhật, T sử dụng để trả các khoản nợ đánh bạc trước đó và tiếp tục đánh bạc với hy vọng sẽ T, nhưng càng đánh càng bị thua nhiều hơn, nên T nghĩ ra cách nói dối các khoản thu mới như: Tiền chênh lệch tỉ giá USD, tiền mua ba lô, va ly, phí ký túc xá, tiền may đồng phục và giáo trình, tiền hồ sơ phái cử, tiền giáo dục định hướng, tiền bảo hiểm tự nguyện ở Nhật... Khi thu tiền T đều viết phiếu thu và làm bảng kê làm bằng chứng để mọi người tin tưởng là thật (nhưng cũng có một số trường hợp T không ghi phiếu). T lại sử dụng tất cả các khoản tiền này để đánh bạc và trả nợ cũ hết. Nhằm mục đích lừa đảo để có tiền trả nợ và đánh bạc tiếp, từ tháng 12/2016, T tiếp tục đưa ra thông tin gian dối bằng cách nhắn tin qua mạng zalo, tin nhắn SMS, hoặc thông báo trực tiếp là có "16 người sẽ có lịch bay xuất cảnh sang Nhật vào ngày 21/01/2017 và 05 người còn lại sẽ có lịch bay vào ngày 10/02/2017, trong đó T điền thêm tên chị Dương Thị Thu P, là bạn gái của T với mục đích tạo thêm niềm tin cho mọi người sẽ được đi thật. T yêu cầu 20 người này phải nộp hết khoản tiền theo thỏa thuận còn lại là 2.000 USD/người, tương đương với 44.000.000 đồng /người. Nhưng để tránh bị lộ, mỗi lần T chỉ thông báo cho 2 người để lấy tiền trong ngày, xong lại thông báo thu tiền tiếp cho 2 người khác. Ngoài ra, T còn tự bịa đặt ra các khoản thu khác trong thời gian này như: tiền chênh lệch tỷ giá USD, tiền mua va ly, ba lô, tiền mua vé máy bay vào thành phố Hồ Chí Minh để chiếm đoạt thêm tiền sử dụng cho mục đích đánh bạc và trả nợ. T thông báo cho những người nộp tiền cho T bằng hai hình thức: T thu trực tiếp có viết phiếu hoặc là chuyển vào tài khoản số 0441000668006 mang tên Nguyễn Chiến T tại ngân hàng V chi nhánh T thành phố Hồ Chí Minh. Với thủ đoạn này, từ tháng 12/2016 đến tháng 01/2017, đã có 16 người nộp tiền cho T 44.000.000 đồng/ người (tương đương với 2.000 USD/ người theo thỏa thuận tự qui đổi) = 704.000.000 đồng.

Với các thủ đoạn như đã nêu ở trên, từ giữa tháng 5/2016 đến tháng 01/2017, Nguyễn Chiến T đã chiếm đoạt tiền của 20 người cụ thể như sau:

1 - Chị Tống Thị V1 (Sinh năm 1977, trú tại thành phố H), được anh Trần Văn D giới thiệu cho T vào khoảng giữa tháng 5/2016, T đã chiếm đoạt các khoản tiền gồm: chi phí xuất cảnh sang Nhật 133.000.000 đồng, tiền học tiếng Nhật và phí ký túc xá 10.000.000 đồng, tiền may đồng phục và giáo trình 300.000 đồng, phí giáo dục định hướng 5.000.000 đồng, phí hồ sơ phái cử 3.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền là 151.300.000 đồng.

Ngoài ra, chị V1 khai T chiếm đoạt thêm các khoản đã nộp gồm: tiền bảo hiểm ở Nhật 15.525.000 đồng, tiền mua va ly, ba lô 2.400.000 đồng, tiền vé máy bay vào thành phố Hồ Chí Minh 920.000.000 đồng, tiền vé máy bay của 12 người khác T nhờ chị V1 thu 01 người là 920.000 đồng. 12 người là 10.120.000 đồng. Tổng cộng là 28.965.000 đồng không có giấy tờ gì chứng minh. Cơ quan điều tra đã tiến hành các biện pháp điều tra xác minh và cho đối chất nhưng T không thừa nhận có thu số tiền này nên chưa đủ cơ sở kết luận T chiếm đoạt 28.965.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã thu giữ các loại tài liệu gồm: 01 tờ phiếu thu tiền và 04 phiếu đặt cọc do chị Tống Thị V1 giao nộp ngày 06/2/2016 (có chữ ký và chữ viết của T ghi vào các ngay 23/5/2016, 25/5/2016, 01/6/2016, 18/7/2016, 16/12/2016 với tổng số tiền là 143.000.000 đồng).

Ngày 20/6/2017, cơ quan điều tra ra quyết định trưng cầu giám định số 45, 46 đối với các phiếu thu tiền và đặt cọc này. Tại bản kết luận giám định số 221B ngày 25/7/2017, phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thừa Thiên Huế xác định: phiếu thu tiền ngày 23/5/2016 không đủ cơ sở kết luận do T viết ra (vì phiếu ghi ngắn gọn không đầy đủ các thông tin để giám định, nhưng T đều thừa nhận chữ viết và chữ ký là của T viết ra), các phiếu thu tiền và đặt cọc còn lại là của T viết và ký ra.

2- Anh Phan Văn T4, Sinh năm 1992, trú tại tỉnh Hà Nam được chị H3 giới thiệu cho T vào tháng 7/2016. T đã chiếm đoạt các khoản tiền gồm: Chi phí xuất cảnh 136.740.000 đồng, phí tiếng Nhật và ký túc xá 10.000.000 đồng, tiền đồng phục và giáo trình 300.000 đồng, phí giáo dục định hướng 5.000.000 đồng, hồ sơ phái cử 3.000.000 đồng, tiền mua ba lô, va ly 2.400.000 đồng, tiền chi phí xét lại hồ sơ 22.000.000 đồng. Tổng cộng là 179.440.000 đồng.

Ngoài ra, anh T4 khai đã trực tiếp nộp cho T tiền vé máy bay Huế đi thành phố Hồ Chí Minh là 920.000 đồng, nhưng không có phiếu thu. Cơ quan điều tra đã tiến hành các biện pháp điều tra và cho đối chất, nhưng T không thừa nhận có thu số tiền này nên chưa đủ cơ sở kết luận T chiếm đoạt 920.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã thu giữ các loại tài liệu gồm: 01 bản kê danh sách các học viên gồm 16 người sẽ xuất cảnh vào ngày 21/01/2017, 04 tờ phiếu thu tiền và đặt cọc vào các ngày 12/7/2016, 13/7/2016, 15/7/2016, 27/8/2016 và 01 tờ giấy xác nhận đã nộp số tiền 22.000.000 đồng không ghi ngày, tháng, năm, do anh T4 giao nộp ngày 24/2/2016.

Ngày 20/6/2017, cơ quan điều tra ra quyết định trưng cầu giám định số 45 đối với các phiếu thu tiền và đặt cọc này. Tại bản kết luận giám định số 221B ngày 25/7/2017, phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Thừa Thiên Huế xác định

không đủ cơ sở kết luận chữ ký và chữ viết trên 2 phiếu thu tiền ngày 13/7/2016 và 27/8/2016 là do T viết ra vì thiếu các thông tin cần thiết để giám định, nhưng T đều thừa nhận 2 phiếu này do mình viết và ký ra, các phiếu thu và đặt cọc, giấy xác nhận còn lại đều do T tự viết và ký ra.

3- Chị Nguyễn Thị N3, trú tại xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh, được bạn cùng xã là chị Nguyễn Thị L, bị hại trong vụ án này rủ đi đăng ký xuất khẩu lao động tại công ty của T từ tháng 7/2016. T đã chiếm đoạt các khoản gồm tiền chi phí xuất cảnh 132.000.000 đồng, tiền học phí và phí ký túc xá 10.000.000 đồng, tiền đồng phục và giáo trình 300.000 đồng, phí giáo 7 dục định hướng 5.000.000 đồng, phí hồ sơ 3.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền là 150.300.000 đồng.

Ngoài ra, chị N3 khai còn bị T chiếm đoạt các khoản thu khác không có giấy tờ gồm tiền chênh lệch tỉ giá USD 4.740.000.000 đồng, tiền mua 1 ba lô, 2 va ly 2.400.000 đồng, tiền mua vé máy bay từ Huế đi thành phố Hồ Chí Minh 920.000 đồng. Tổng cộng là 8.060.000 đồng, trong đó tiền mua vé máy bay 920.000 đồng chị N3 đưa cho chị V1 nộp giúp. Chị V1 khai sau khi T nhờ thu hộ xong chị V1 đã để tại bàn làm việc của T tại công ty A mà không đưa trực tiếp cho T. Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra xác minh và cho đối chất, nhưng T không thừa nhận nên chưa đủ căn cứ kết luận T chiếm đoạt 8.060.000 đồng này.

Cơ quan điều tra đã thu giữ các khoản gồm 03 tờ phiếu thu tiền và đặt cọc ghi ngày 16/7/2016, 22/7/2016, 27/7/2016; 05 chứng từ nộp tiền vào tài khoản ngân hàng ghi ngày 21/7/2016, 22/7/2016, 26/7/2016, 18/8/2016, 12/12/2016 do chị N3 giao nộp vào ngày 24/2/2016.

Ngày 20/6/2017 cơ quan điều tra ra quyết định trưng cầu giám định số 45, 46 đối với các phiếu thu tiền và đặt cọc này. Tại bản kết luận giám định số 221B ngày 25/7/2017 và 222B ngày 31/7/2017, Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Thừa Thiên Huế xác định: Phiếu thu tiền ngày 16/7/2016 không đủ cơ sở để giám định do thiếu các thông tin cần thiết nhưng T thừa nhận phiếu này là do mình ký và viết ra với số tiền là 10.000.000 đồng. Các phiếu đặt cọc khác đều do T ký và viết ra.

4- Chị Nguyễn Thị L, Sinh năm 1984, trú tại thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh, được chị H3 giới thiệu cho T vào tháng 7/2016. T đã chiếm đoạt của chị L các khoản gồm: tiền chi phí xuất cảnh sang Nhật 133.040.000 đồng, học phí tiếng Nhật và phí ký túc xá 10.000.000 đồng, tiền may đồng phục và giáo trình 300.000 đồng, phí giáo dục định hướng 5.000.000 đồng, phí hồ sơ 3.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền là 151.340.000 đồng.

Ngoài ra, chị L khai còn bị T chiếm đoạt các khoản không có phiếu thu sau: tiền chênh lệch USD 1.580.000 đồng, tiền mua 01 va ly, 01 ba lô 1.350.000 đồng, tiền vé máy bay từ Huế đi thành phố Hồ Chí Minh 700.000 đồng. Tổng cộng là 3.630.000 đồng, trong đó tiền vé máy bay chị L nộp cho chị V1 để đưa cho T. Chị V1 khai sau khi thu tiền giúp đã để tại bàn làm việc của T mà không giao trực tiếp hoặc viết phiếu. Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra và cho đối chất giữa T với chị V1 nhưng T không thừa nhận thu các khoản này. Mặt khác, cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi chị L cư trú thì chị L vắng mặt tại địa phương nên không thể tiến hành đối chất với T được. Vì vậy, chưa đủ căn cứ kết luận T chiếm đoạt 3.630.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã thu giữ 03 loại tài liệu gồm: 01 phiếu đặt cọc số tiền 89.040.000 đồng ngày 30/7/2016, 02 chứng từ chuyển tiền vào tài khoản của T tại ngân hàng V chi nhánh T, tổng cộng 54.520.000 đồng do chị L giao nộp ngày 24/2/2016.

Ngày 20/6/2017, cơ quan điều tra trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết tờ giấy thu tiền đặt cọc này. Tại bản kết luận số 222B ngày 31/01/2017, Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Thừa Thiên Huế xác định chữ viết và chữ ký là của T.

5- Chị Nguyễn Thị N, Sinh năm 1996, trú tại thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh, được anh Nguyễn Đình S là người cùng thôn và bị hại trong vụ án này giới thiệu cho T. T đã chiếm đoạt của chị N các khoản sau: tiền xuất cảnh sang Nhật 132.000.000 đồng, học phí tiếng Nhật và phí ký túc xá 10.000.000 đồng, tiền đồng phục và giáo trình 300.000 đồng, phí giáo dục định hướng 5.000.000 đồng, phí hồ sơ 5.000.000 đồng, tiền bảo hiểm ở Nhật 16.170.000 đồng. Tổng cộng là 168.470.000 đồng.

Ngoài ra, chị N khai bị T chiếm đoạt thêm các khoản thu không ghi phiếu thu sau: tiền chênh lệch tỉ giá USD 4.740.000 đồng, tiền mua va ly, ba lô 2.400.000 đồng, tiền mua vé máy bay từ Huế đi thành phố Hồ Chí Minh 920.000 đồng. Tổng cộng là 8.060.000 đồng, trong đó tiền vé máy bay chị N giao cho chị V1 nộp giúp cho T. Chị V1 sau khi nhận tiền đã đế tại bàn làm việc của T ở công ty mà không giao trực tiếp cho T hoặc viết phiếu thu. Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra và cho đối chất, nhưng T không thừa nhận đã thu các khoản này nên chưa đủ căn cứ kết luận T đã chiếm đoạt 8.060.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã thu giữ các loại tài liệu gồm 01 phiếu thu tiền, 02 giấy đặt cọc tiền, 05 chứng từ chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng của T tại Ngân hàng V chi nhánh T do chị N3 giao nộp ngày 24/2/2017.

Ngày 20/6/2017, cơ quan điều tra ra quyết định trưng cầu giám định chữ viết và chữ ký số 45,46 đối với 03 tờ giấy thu tiền và đặt cọc. Tại bản kết luận số 221B ngày 25/7/2016, Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Thừa Thiên Huế xác định không đủ cơ sở để kết luận chữ ký và chữ viết trên tờ phiếu thu tiền ngày 16/7/2016 là do T viết và ký ra. Tuy nhiên, T thừa nhận tờ giấy này do T viết và ký ra. Tại bản kết luận số 222B ngày 31/7/2017, Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Thừa Thiên Huế xác định chữ ký và chữ viết trên 2 tờ giấy đặt cọc còn lại đều do T viết và ký ra.

6- Anh Nguyễn Đình S, sinh năm 1989, trú tại thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh, được chị H3 giới thiệu cho T vào đầu tháng 8/2016. T đã chiếm đoạt các khoản tiền sau: chi phí xuất cảnh sang Nhật 132.000.000 đồng, học phí tiếng Nhật và phí ký túc xá 10.000.000 đồng, tiền đồng phục và giáo trình 300.000 đồng, phí giáo dục định hướng 5.000.000 đồng, phí hồ sơ phái cử 5.000.000 đồng. Tổng cộng là 152.300.000 đồng.

Ngoài ra, anh S khai còn bị T chiếm đoạt các khoản thu không có phiếu thu gồm: tiền chênh lệch tỉ giá USD 4.740.000 đồng, tiền mua va ly, ba lô 2.400.000 đồng, tiền mua vé máy bay từ Huế đi thành phố Hồ Chí Minh 920.000 đồng. Tổng cộng là 8.060.000 đồng, trong đó tiền vé máy bay anh S đưa cho chị V1 nộp giúp cho T. Chị V1 sau khi thu tiền để tại bàn làm việc của T tại công ty mà không giao trực tiếp. Cơ quan điều tra đã tiến hành các biện pháp điều tra và cho đối chất, nhưng T không thừa nhận các khoản thu này nên chưa đủ căn cứ kết luận T chiếm đoạt 8.060.000 đồng này.

Cơ quan điều tra đã thu giữ các loại tài liệu gồm: 01 phiếu thu tiền ngày 02/8/2016, 04 tờ giấy chuyển tiền vào tài khoản của T tại ngân hàng V chi nhánh T và 02 tờ giấy sao kê tin nhắn do anh S giao nộp ngày 22/2/2017.

Ngày 20/6/2017, cơ quan điều tra ra quyết định trưng cầu giám định số 46 đối với chữ viết và chữ ký trên tờ phiếu thu tiền ghi ngày 02/8/2016. Tại bản kết luận số 222B ngày 31/7/2017, Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Thừa Thiên Huế xác định phiếu thu tiền không đủ căn cứ để kết luận do phiếu thu bị nhòe và thấm màu đỏ, nhưng T vẫn thừa nhận phiếu này do T viết và ký ra.

7- Anh Nguyễn Đình C, sinh năm 1996, trú tại thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh, được chị H3 giới thiệu cho T trong tháng 8/2016. Anh C đã bị T chiếm đoạt các khoản sau: tiền xuất cảnh sang Nhật 136.740.000 đồng, tiền học tiếng Nhật và phí ký túc xá 10.000.000 đồng, tiền đồng phục và giáo trình 300.000 đồng, phí giáo dục định hướng 5.000.000 đồng, phí hồ sơ 5.000.000 đồng, tiền bảo hiểm ở Nhật 16.170.000 đồng, tiền va ly, ba lô 2.400.000 đồng. Tổng cộng là 175.610.000 đồng.

Ngoài ra, Anh C khai còn bị T chiếm đoạt khoản tiền vé máy bay từ Huế đi thành phố Hồ Chí Minh là 920.000 đồng, số tiền này Anh C đưa cho chị V1 để nộp cho T, chị V1 nhận tiền rồi để tiền tại bàn làm việc cho T mà không giao trực tiếp. Cơ quan điều tra đã tiến hành các biện pháp điều tra và cho đối chất nhưng T không thừa nhận nên chưa đủ căn cứ kết luận T chiếm đoạt 920.000 đồng này.

Cơ quan điều tra đã thu giữ các loại tài liệu gồm: 01 phiếu thu tiền, 01 phiếu đặt cọc tiền bản phô tô và 04 tờ giấy chuyển tiền vào tài khoản của T tại ngân hàng V chi nhánh T, do Anh C giao nộp.

Ngày 20/6/2017, cơ quan điều tra ra quyết định trưng cầu giám định chữ viết và chữ ký 2 tờ phiếu thu trên. Tại bản kết luận giám định số 221A ngày 05/7/2017 và số 222B ngày 31/7/2017 xác định: phiếu thu ngày 02/8/2016 không đủ cơ sở kết luận nhưng T vẫn thừa nhận mình viết và ký ra. Phiếu thu ghi ngày 06/8/2016 do T viết và ký ra.

8- Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1991, trú tại thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh, được anh S ở cùng thôn giới thiệu cho T trong tháng 8/2016. Chị H bị T chiếm đoạt các khoản sau: tiền xuất cảnh sang Nhật 132.000.000 đồng, tiền học tiếng Nhật và phí ký túc xá 10.000.000 đồng, tiền đồng phục và giáo trình 300.000 đồng, tiền bảo hiểm ở Nhật 16.170.000 đồng. Tổng cộng là 166.470.000 đồng.

Ngoài ra, chị H khai bị T chiếm đoạt thêm các khoản thu không có phiếu thu sau: tiền chênh lệch tỷ giá USD 4.740.000 đồng, tiền ba lô, va lỵ 2.400.000 đồng, tiền vé máy bay từ Huế đi thành phố Hồ Chí Minh 920.000 đồng, tổng cộng là 8.060.000 đồng. Trong đó, tiền vé máy bay chị H giao cho chị Tống Thị V1 để đưa cho T. Chị V1 khai để số tiền này tại bàn làm việc của T chứ không giao trực tiếp. Cơ quan điều tra đã tiến hành các biện pháp điều tra và cho đối chất nhưng T không thừa nhận nên chưa đủ cơ sở kết luận T chiếm đoạt 8.060.000 đồng này.

Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 phiếu đặt cọc tiền ngày 12/9/2016, số tiền 88.000.000 đồng, do chị Hoàng Thị H giao nộp ngày 13/1/2017.

Ngày 20/6/2017, cơ quan điều tra ra quyết định trưng cầu giám định số 43 đối với chữ viết và chữ ký trên phiếu đặt cọc. Tại bản kết luận số 221A ngày 05/7/2017, Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Thừa Thiên Huế xác định chữ viết và chữ ký là của T viết và ký ra.

9- Anh Phạm Danh H1, sinh năm 1998, trú tại thôn 10, xã Q, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh, được chị H3 giới thiệu cho T vào tháng 8/2016. Anh H3 bị T chiếm đoạt các khoản gồm: tiền xuất cảnh sang Nhật 134.000.000 đồng, học phí

tiếng Nhật và phí ký túc xá 10.000.000 đồng, tiền đồng phục và giáo trình 300.000 đồng, phí giáo dục định hướng 5.000.000 đồng, phí hồ sơ 3.000.000 đồng. Tổng cộng là 152.300.000 đồng.

Ngoài ra, Anh H3 khai còn bị T chiếm đoạt các khoản thu không có phiếu thu sau: tiền chênh lệch tỉ giá USD 2.740.000 đồng, tiền va ly, ba lô 2.400.000 đồng, tiền vé máy bay từ Huế đi thành phố Hồ Chí Minh 920.000 đồng. Tổng cộng là 6.060.000 đồng. Trong đó, tiền vé máy bay Anh H3 đưa cho chị Tống Thị V1 nộp cho T. Chị V1 sau khi nhận tiền đã để lại bàn làm việc của T tại công ty chứ không giao trực tiếp. Cơ quan điều tra đã tiến hành các biện pháp điều tra và cho đối chất nhưng T không thừa nhận nên chưa đủ căn cứ kết luận T chiếm đoạt 6.060.000 đồng này.

Cơ quan điều tra đã thu giữ các loại tài liệu gồm: 01 phiếu thu tiền và 01 phiếu đặt cọc với tổng số tiền 98.000.000 đồng, do anh Phạm Danh H1 giao nộp vào ngày 22/2/2016.

Ngày 20/6/2017, cơ quan điều tra ra quyết định trưng cầu giám định số 43 đối với chữ ký và chữ viết trên 2 phiếu thu này. Tại bản kết luận giám định số 221A ngày 05/7/2017, Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Thừa Thiên Huế xác định: không đủ cơ sở kết luận chữ viết và chữ ký trên phiếu thu ngày 22/8/2016 là do T viết và ký nhưng T công nhận tờ phiếu thu này do mình ký và viết ra, còn chữ viết và chữ ký trên phiếu đặt cọc ngày 05/9/2016 là của T viết và ký ra.

10- Anh Phạm Xuân T5, sinh năm 1990, trú tại tỉnh Quảng Bình, được chị N1 giới thiệu cho T trong tháng 8/2016. Anh T5 bị T chiếm đoạt các khoản sau: tiền xuất cảnh sang Nhật 136.740.000 đồng, tiền học tiếng Nhật và phí ký túc xá 10.000.000 đồng, tiền đồng phục và giáo trình 300.000 đồng, phí giáo dục định hướng 5.000.000 đồng, phí hồ sơ phái cử 3.000.000 đồng, tiền mua va ly, ba lô 2.400.000 đồng, tiền vé máy bay từ Huế đi thành phố Hồ Chí Minh 920.000 đồng. Tổng cộng là 158.360.000 đồng, Anh T5 chỉ yêu cầu T bồi thường 148.360.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã thu giữ các tài liệu gồm: 01 phiếu thu tiền ngày 23/8/2016, 01 phiếu đặt cọc ngày 23/8/2016 với tổng số tiền 76.000.000 đồng, do anh Phạm Xuân T5 giao nộp ngày 22/2/2017.

Ngày 20/6/2017, cơ quan điều tra ra quyết định trưng cầu giám định số 43 đối với chữ viết và chữ ký trên 2 tờ phiếu này. Tại bản kết luận số 221A ngày 05/7/2017, Phòng hình sự công an tỉnh Thừa Thiên Huế xác định: chữ viết và chữ ký trên phiếu đặt cọc là của T viết và ký ra. Không đủ cơ sở kết luận chữ viết và chữ ký trên phiếu thu tiền là do T viết và ký ra, nhưng T đã thừa nhận mình ký và viết ra.

11- Anh Lê Quốc D, sinh năm 1991, trú tại tỉnh Thừa Thiên Huế, được chị N1 giới thiệu cho T vào tháng 8/2016. Anh D khai bị T chiếm đoạt các khoản như: Tiền xuất cảnh sang Nhật 87.895.000 đồng (trong đó Anh D nộp cho T 66.000.000 đồng và 1.000 USD = 21.895.000 đồng, với giá 01 USD ngày 27/8/2016 là 21.895 đồng), tiền học tiếng Nhật và phí ký túc xá 10.000.000 đồng, tiền đồng phục và giáo trình 300.000 đồng, phí giáo dục định hướng 5.000.000 đồng, phí hồ sơ 3.000.000 đồng. Tổng cộng là 106.195.000 đồng.

Ngoài ra, Anh D khai còn bị T chiếm đoạt các khoản thu không có phiếu thu gồm: tiền đặt cọc chi phí xuất cảnh 46.000.000 đồng, tiền bảo hiểm ở Nhật 16.170.000 đồng, tiền va ly, ba lô 2.400.000 đồng, tiền chênh lệch tỉ giá USD 2.040.000 đồng, tiền khám dịch cúm gia cầm 1.000.000 đồng, tiền mua vé máy bay từ Huế đi thành phố Hồ Chí Minh 920.000.000 đồng. Tổng cộng là 66.530.000 đồng, trong đó, tiền vé máy bay Anh D đưa cho chị V1 nộp giúp, chị V1 khai để số tiền này tại bàn làm việc của T chứ không giao trực tiếp. Cơ quan điều tra đã tiến hành các biện pháp điều tra và cho đối chất nhưng T không thừa nhận nên chưa đủ căn cứ kết luận T chiếm đoạt 66.530.000 đồng này.

Cơ quan điều tra đã thu giữ các tài liệu gồm: 01 phiếu thu tiền ngày 27/8/2016, 01 phiếu đặt cọc tiền ngày 27/8/2016, 01 phiếu đặt cọc tiền ngày 30/9/2016, với tổng số tiền 76.000.000 đồng và 1.000 USD, do anh Lê Quốc D giao nộp.

Ngày 20/6/2017, cơ quan điều tra ra quyết định trưng cầu giám định số 43, 44 đối với chữ viết và chữ ký trên các phiếu thu giữ này. Tại bản kết luận giám định số 221A ngày 05/7/2017 và số 222A ngày 11/7/2017, Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Thừa Thiên Huế xác định: phiếu thu tiền ngày 27/8/2016 không có cơ sở kết luận do T viết ra, nhưng chữ ký là của T, 02 phiếu đặt cọc còn lại do T viết và ký ra.

12- Anh Nguyễn Hoàng Văn H4, sinh năm 1998 và ông Nguyễn Văn D là bố đẻ anh H4, sinh năm 1974, cùng trú tại tỉnh Thừa Thiên Huế, được anh Nguyễn Văn H3 giới thiệu cho T vào tháng 8/2016. Anh H4 và ông D bị T chiếm đoạt các khoản sau: tiền xuất cảnh sang Nhật 88.000.000 đồng, tiền học tiếng Nhật và phí ký túc xá 13.200.000 đồng, phí giáo dục định hướng 5.000.000 đồng, phí hồ sơ 3.000.000 đồng. Tổng cộng là 109.200.000 đồng.

Ngoài ra, anh H4 và ông D khai còn bị T chiếm đoạt các khoản thu không có phiếu thu sau: tiền đặt cọc chi phí xuất cảnh 46.000.000 đồng, tiền bảo hiểm ở Nhật 14.000.000 đồng, tiền va ly, ba lô 2.400.000 đồng, tiền vé máy bay từ Huế đi thành phố Hồ Chí Minh 920.000 đồng, tiền chênh lệch tỉ giá USD 2.740.000 đồng, tiền hỗ trợ người giám hộ ở Nhật 200 USD. Tổng cộng là 66.060.000 đồng và 200 USD. Hiện anh H4 đi làm việc ở xa có viết giấy ủy

quyền cho ông D tham gia tố tụng. Cơ quan điều tra đã tiến hành các biện pháp điều tra và cho đối chất giữa ông D với T, nhưng T vẫn không thừa nhận. Vì vậy, chưa đủ căn cứ kết luận T chiếm đoạt số tiền 66.060.000 và 200 USD này.

Cơ quan điều tra đã thu giữ các loại tài liệu gồm: 01 phiếu đặt cọc và 01 phiếu thu tiền với tổng số tiền là 101.200.000 đồng, do ông Nguyễn Văn D giao nộp vào ngày 09/8/2017.

Ngày 10/8/2017, cơ quan điều tra ra quyết định trưng cầu giám định số 60 đối với chữ viết và chữ ký trên các tài liệu đã thu giữ. Tại bản kết luận giám định số 294 ngày 28/8/2017, Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Thừa Thiên Huế xác định chữ viết và chữ ký đều do T viết và ký ra.

13- Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1990, trú tại thôn 2, xã Q, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh, được chị H3 giới thiệu cho T vào tháng 9/2016. Anh Q khai bị T chiếm đoạt các khoản sau: tiền chi phí xuất cảnh sang Nhật 136.740.000 đồng, tiền học tiếng Nhật và phí ký túc xá 10.000.000 đồng, tiền đồng phục và giáo trình 300.000 đồng, phí giáo dục định hướng 5.000.000 đồng, tiền làm hồ sơ phái cử 3.000.000 đồng, tiền mua va ly, ba lô 1.350.000 đồng. Tổng cộng 156.390.000 đồng. T cũng thừa nhận mình chiếm đoạt số tiền này.

Cơ quan điều tra đã thu giữ 08 loại tài liệu gồm: 03 phiếu thu tiền, 03 phiếu đặt cọc và 02 tờ giấy sao kê tin nhắn, với tổng số tiền 156.390.000 đồng, do anh Nguyễn Văn Q giao nộp ngày 22/2/2017.

Ngày 20/6/2017, cơ quan điều tra ra quyết định trưng cầu giám định số 44 và 46 đối với 6 phiếu thu tiền và đặt cọc đã thu giữ. Tại bản kết luận giám định số 222A ngày 11/7/2017 và số 221B ngày 25/7/2017 xác định: phiếu thu tiền đề ngày 15/10/2016 chưa đủ cơ sở kết luận do T viết ra nhưng chữ ký là của T, tất cả 5 phiếu thu tiền và đặt cọc còn lại đều do T viết và ký ra. T cũng thừa nhận 2 tờ giấy sao kê tin nhắn là của T liên lạc với Anh Q với những lời nói gian dối để buộc Anh Q phải chuyển tiền cho mình rồi chiếm đoạt.

14- Anh Nguyễn Huy P, sinh năm 1995, trú tại thôn 3, xã Q, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh, được chị H3 giới thiệu cho T vào tháng 9/2016. Anh P bị T chiếm đoạt các khoản sau: Tiền đặt cọc xuất cảnh sang Nhật 88.000.000 đồng, tiền học tiếng Nhật và phí ký túc xá 10.000.000 đồng, tiền đồng phục và giáo trình 300.000 đồng, phí giáo dục định hướng 5.000.000 đồng, phí làm hồ sơ phái cử 3.000.000 đồng. Tổng cộng là 106.300.000 đồng.

Ngoài ra, anh P khai còn bị T chiếm đoạt thêm các khoản thu không có phiếu thu sau: tiền phí xuất cảnh còn lại 44.000.000 đồng = 2.000 USD, tiền chênh lệch tỉ giá USD 4.740.000 đồng, tiền va ly, ba lô 1.350.000 đồng, tiền làm văn bằng cấp 3 giả 6.000.000 đồng, tiền vé máy bay từ Huế đi thành phố Hồ Chí

Minh 920.000 đồng. Tổng cộng là 73.180.000 đồng. Trong đó, tiền vé máy bay anh P đưa cho chị Tống Thị V1 nhờ nộp cho T. Chị V1 khai để số tiền này trên bàn làm việc của T mà không giao trực tiếp. Cơ quan điều tra đã tiến hành các biện pháp điều tra và cho đối chất nhưng T không thừa nhận. Vì vậy, chưa đủ cơ sở kết luận T chiếm đoạt 73.180.000 đồng này.

Cơ quan điều tra đã tiến hành thu giữ các loại tài liệu gồm: 01 phiếu thu tiền và 02 phiếu đặt cọc với tổng số tiền 106.000.000 đồng, do anh Nguyễn Huy P giao nộp vào ngày 24/02/2017.

Ngày 20/6/2017, cơ quan điều tra ra quyết định trưng cầu giám định số 44 đối với chữ viết và chữ ký trên 03 tài liệu đã thu giữ. Tại bản kết luận giám định số 222A ngày 11/7/2017, Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Thừa Thiên Huế xác định: chữ viết và chữ ký là do T viết và ký ra.

15- Anh Nguyễn Đình T7, sinh năm 1992, trú tại thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh, được anh Nguyễn Đình S người cùng thôn giới thiệu cho T vào tháng 9/2016. Anh T7 bị T chiếm đoạt các khoản tiền sau: tiền xuất cảnh sang Nhật 132.000.000 đồng, tiền học tiếng Nhật và phí ký túc xá 10.000.000 đồng, tiền đồng phục và giáo trình 300.000 đồng, phí giáo dục định hướng 5.000.000 đồng, phí hồ sơ 3.000.000 đồng. Tổng cộng là 150.300.000 đồng.

Ngoài ra, Anh T7 khai còn bị T chiếm đoạt thêm các khoản không có phiếu thu sau: tiền chênh lệch tỉ giá USD 4.740.000 đồng, tiền mua va ly, ba lô 2.400.000 đồng, tiền vé máy bay từ Huế đi thành phố Hồ Chí Minh 920.000 đồng. Tổng cộng là 8.060.000 đồng. Trong đó, tiền vé máy bay Anh T7 đưa cho chị Tống Thị V1 nhờ nộp giúp. Chị V1 khai để số tiền này trên bàn làm việc của T tại công ty chứ không giao trực tiếp cho T, nhưng qua đối chất T không thừa nhận. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, mời Anh T7 đến đối chất, nhưng hiện nay Anh T7 đi làm việc ở Đài Loan nên không thể tiến hành làm việc đối chất được. Vì vậy, chưa đủ căn cứ két luận T chiếm đoạt 8.060.000 đồng này.

Cơ quan điều tra đã thu giữ các loại tài liệu gồm: 01 phiếu thu tiền học phí và phí ký túc xá 10.000.000 đồng, 02 tờ phiếu nộp tiền vào tài khoản của T tại ngân hàng V chi nhánh T 144.000.000 đồng, do Anh T7 giao nộp vào ngày 13/01/2017.

Ngày 20/6/2017, cơ quan điều tra ra quyết định trưng cầu giám định số 43 đối với chữ viết và chữ ký trên phiếu thu tiền đã thu giữ. Tại bản kết luận giám định số 221A ngày 05/7/2017, Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Thừa Thiên Huế xác định: chữ viết và chữ ký là do T viết và ký ra.

16- Chị Trần Thị H7, sinh năm 1993, trú tại thôn 3, xã Q, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh, được chị H3 giới thiệu cho T vào tháng 9/2016. Chị H7 bị T chiếm

đoạt các khoản tiền sau: tiền xuất cảnh sang Nhật 132.000.000 đồng, tiền học tiếng Nhật và phí ký túc xá 10.000.000 đồng, phí giáo dục định hướng 5.000.000 đồng, phí hồ sơ 3.000.000 đồng. Tổng cộng là 150.000.000 đồng.

Ngoài ra, Chị H7 khai còn bị T chiếm đoạt các khoản thu không có phiếu thu sau: tiền bảo hiểm ở Nhật 16.170.000 đồng, tiền va ly, ba lô 2.400.000 đồng, tiền vé máy bay từ Huế đi thành phố Hồ Chí Minh 920.000 đồng, tiền làm bằng cấp 3 giả 6.000.000 đồng. Tổng cộng là 25.490.000 đồng. Trong đó, tiền mua vé máy bay Chị H7 nhờ chị V1 nộp giúp. Chị V1 khai để số tiền này trên bàn làm việc cửa T tại công ty mà không giao trực tiếp cho T. Cơ quan điều tra đã tiến hành các biện pháp điều tra và đối chất giữa chị V1 với T nhưng T không thừa nhận. Cơ quan điều tra tiến hành xác minh tại địa phương nhưng Chị H7 đã đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, nên cơ quan điều tra không làm việc đối chất với T được. Vì vậy, chưa đủ căn cứ kết luận T chiếm đoạt 25.490.000 đồng này.

Cơ quan điều tra đã thu giữ các loại tài liệu gồm: 01 phiếu đặt cọc 88.000.000 đồng và 01 giấy chuyển tiền vào tài khoản Nguyễn Chiến T 44.000.000 đồng tại ngân hàng V chi nhánh T, do chị Trần Thị H7 giao nộp ngày 27/2/2017.

Ngày 20/6/2017, cơ quan điều tra ra quyết định trưng cầu giám định với chữ viết và chữ ký trên phiếu đặt cọc đã thu giữ. Tại bản kết luận giám định số 221A ngày 05/7/2017, Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Thừa Thiên Huế xác định chữ viết và chữ ký là do T viết và ký ra.

17- Chị Hoàng Thị T1, sinh năm 1998, trú tại thôn B, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh, được anh Nguyễn Đình S giới thiệu cho T vào tháng 10/2016. Chị T1 bị T chiếm đoạt các khoản sau: chi phí xuất cảnh sang Nhật 132.000.000 đồng, tiền học tiếng Nhật và phí ký túc xá 10.000.000 đồng, tiền đồng phục và giáo trình 300.000 đồng, phí giáo dục định hướng 5.000.000 đồng, phí hồ sơ 5.000.000 đồng, tiền bảo hiểm ở Nhật 16.000.000 đồng. Tổng cộng là 168.470.000 đồng.

Ngoài ra, Chị T1 khai còn bị T chiếm đoạt các khoản thu không có phiếu thu gồm: tiền chênh lệch tỉ giá USD 4.740.000 đồng, tiền va ly, ba lô 2.400.000 đồng, tiền vé máy bay từ Huế đi thành phố Hồ Chí Minh 920.000 đồng. Tổng số tiền là 8.060.000 đồng. Trong đó, tiền vé máy bay Chị T1 đưa cho chị Tống Thị V1 nộp cho T. Chị V1 khai để số tiền này trên bàn làm việc của T tại công ty mà không giao trực tiếp. Cơ quan điều tra đã tiến hành các biện pháp điều tra và cho đối chất nhưng T không thừa nhận nên chưa đủ căn cứ kết luận T chiếm đoạt 8.060.000 đồng này.

Cơ quan điều tra đã thu giữ các loại tài liệu gồm: 01 phiếu thu tiền, 01 phiếu đặt cọc, 03 tờ hóa đơn chuyển tiền vào tài khoản của T tại ngân hàng V chi nhánh T, do Chị T1 nộp ngày 24/02/2017.

Ngày 20/2/2017, cơ quan điều tra ra quyết định trưng cầu giám định số 44 đối với chữ viết và chữ ký trên tờ phiếu thu tiền và phiếu đặt cọc đã thu giữ. Tại bản kết luận số 222A ngày 11/7/2017, Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Thừa Thiên Huế xác định chữ viết và chữ ký là do T viết và ký ra.

18- Chị Lê Thị Phương N4, sinh năm 1998, trú tại tỉnh Hà Tĩnh, được chị H3 giới thiệu cho T vào tháng 11/2016. Chị N4 bị T chiếm đoạt các khoản gồm: tiền xuất cảnh sang Nhật 136.740.0000 đồng, tiền học tiếng Nhật và phí ký túc xá 12.000.000 đồng, phí giáo dục định hướng 5.000.000 đồng, phí hồ sơ 3.000.000 đồng, tiền mua vé máy bay và va ly, ba lô 1.260.000 đồng. Tổng cộng là 158.000.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã thu giữ các loại tài liệu gồm: 01 phiếu thu 48.740.000 đồng và 01 giấy chuyển tiền qua ngân hàng Quân Đội MB, dịch vụ Bankplus cho Nguyễn Chiến T số tiền 40.000.000 đồng, do Chị N4 giao nộp ngày 13/01/2017.

Ngày 20/6/2017, cơ quan điều tra ra quyết định trưng cầu giám định số 44 đối với chữ viết và chữ ký trên phiếu thu tiền đã thu giữ. Tại bản kết luận số 222A ngày 11/7/2017, Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Thừa Thiên Huế xác định do T viết và ký ra.

19- Anh Hồ Viết Thiện N5, sinh năm l998, trú tại tỉnh Thừa Thiên Huế, được T trực tiếp liên lạc gọi đến công ty gặp T. Anh N5 bị T chiếm đoạt các khoản sau: tiền xuất cảnh sang Nhật 58.871.000 đồng gồm 54.440.000 đồng và 200 USD tính theo tỷ giá ngày 24/12/2016=4.431.000 đồng, phí giáo dục định hướng 5.000.000 đồng, phí hồ sơ 3.000.000 đồng, tiền va ly, ba lô 3.150.000 đồng. Tổng cộng là 70.021.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã thu giữ các loại tài liệu gồm: 04 phiếu thu tiền và 03 giấy nộp tiền vào tài khoản ngân hàng do Anh N5 giao nộp ngày 07/02/2017.

Ngày 20/6/2017, cơ quan điều tra ra quyết định trưng cầu giám định số 45, 46 đối với chữ ký trên 02 phiếu thu tiền cùng ngày 24/12/2016 và 02 phiếu thu tiền cùng ngày 13/01/2017 khác. Tại bản kết luận số 222B ngày 31/7/2017, Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Thừa Thiên Huế xác định 02 phiếu thu tiền ngày 24/12/2016 do T ký ra. Không đủ cơ sở kết luận chữ viết trên 02 phiếu thu tiền ngày 13/01/2017 do T viết ra, nhưng đủ cơ sở kết luận là do T ký ra.

20- Nguyễn Thị Hường T9, sinh năm 1998, trú tại thôn Đông Vĩnh, xã Mai Phụ, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh, được chị Lê Thị Phương N4 là bạn cùng

xã giới thiệu cho T vào tháng 12/2016. Chị T9 bị T chiếm đoạt các khoản sau: tiền xuất cảnh sang Nhật 136.740.000 đồng, tiền học tiếng Nhật và phí ký túc xá 10.000.000 đồng, phí giáo dục định hướng 5.000.000 đồng, phí hồ sơ 3.000.000 đồng, tiền bảo hiểm tự nguyện ở Nhật 16.000.000 đồng, tiền va ly, ba lô 2.400.000 đồng. Tổng cộng là 173.140.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã thu giữ các loại tài liệu gồm: 01 phiếu thu ngày 05/01/2017 số tiền 136.740.000 đồng và 04 giấy chuyển tiền vào tài khoản của T tại ngân hàng V chi nhanh Tây Thạnh do Chị T9 giao nộp vào ngày 01/8/2017.

Ngày 10/8/2017, cơ quan điều tra ra quyết đinh trưng cầu giám định chữ ký trên tờ phiếu thu tiền ngày 05/01/2017. Tại bản kết luận số 295 ngày 28/8/2017, Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Thừa Thiên Huế xác định do T ký ra.

Như vậy, Nguyễn Chiến T đã chiếm đoạt của 20 người với số tiền là 2.953.906.000 đồng.

2- Hành vi phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tiền của 02 người với thủ đoạn xin việc làm:

Khoảng tháng 10 năm 2016, do thua nợ tiền đánh bạc và muốn có tiền để đánh bạc tiếp, Nguyễn Chiến T đã nảy sinh ý định lừa đảo nhằm chiếm đoạt tiền của người khác, nên T nói dối với chị Dương Thị Thu P, sinh năm 1985, trú tại tỉnh Quảng Bình, là học viên đang học tiếng Nhật tại công ty trách nhiệm hữu hạn tư vấn dịch vụ A và cũng là bạn gái của T là mình có quen biết nhiều người có chức vụ, quyền hạn trong ngành giáo dục, y tế. T có thể xin được việc cho những ai có nhu cầu làm nghề giáo viên hoặc lái xe. Nghe vậy, Chị P tin tưởng T nói thật, liền nói với chị Phan Thị Mỹ H7, trú tại Huế là giáo viên trường Trung học cơ sở xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế là chủ nhà cho Chị P thuê trọ có nhu cầu chuyển lên dạy học ở thành phố H không thì sẽ nhờ T giúp cho. Chị H7 không có nhu cầu xin chuyển trường nhưng lại có nhu cầu xin việc làm cho em ruột mình là anh Phan Nhật L1, sinh năm 1990, trú tại: tỉnh Quảng Trị; Chỗ ở: Huế, đã tốt nghiệp trường Cao Đẳng Công Nghiệp Huế khoa công nghệ thông tin và có bằng lái xe ô tô hạng B2 nên Chị H7 nhờ Chị P hỏi giúp. Chị P về hỏi lại T thì T tiếp tục nói dối Chị P mình có thể xin việc được và hẹn Chị H7 gặp mặt để trao đổi. Khoảng cuối tháng 10 năm 2016, Chị P dẫn Chị H7, anh Phan Nhật L1 đến quán cà phê Vĩ Dạ xưa gặp T. Tại đây, T giới thiệu mình là Giám đốc công ty A có trụ sở tại Huế và nói dối mình có quen biết với nhiều Lãnh đạo có thể xin được cho anh L1 làm lái xe tại Trung tâm y khoa Quốc tế bệnh viện Trung ương Huế với giá 140.000.000 đồng, hẹn tháng 02/2017 sẽ có quyết định đi làm. Do Chị H7 và anh L1 là người quen của Chị P nên T "bớt

tiền xuống" chỉ lấy 94.000.000 đồng, số tiền này T yêu cầu chuyển vào tài khoản của Chị P mở tại ngân hàng V chi nhánh Huế. Nếu không xin được việc T trả lại đầy đủ. Tin tưởng T nói thật, anh L1 và Chị H7 đồng ý. Ngày 01/11/2016, anh L1 chuyển 80.000.000 đồng vào tài khoản của Chị P số 0161001653419 mở tại ngân hàng V chi nhánh Huế. Ngày 04/11/2016, anh L1 chuyển tiếp 10.000.000 đồng vào tài khoản Chị P cho T. Sau đó, T mượn thẻ ATM của Chị P ra ngân hàng rút hết 90.000.000 đồng này. Ngoài ra, Chị H7 còn trực tiếp đưa thêm cho T 4.000.000 đồng của mình cho đủ số tiền đã thỏa thuận là 94.000.000 đồng. Đồng thời, T về nhà Chị H7 viết 2 tờ giấy với nội dung mượn số tiền 94.000.000 đồng để làm tin và đưa cho Chị H7 01 bộ hồ sơ xin việc T nhờ Chị P mua tại sở Nội Vụ tỉnh Thừa Thiên Huế để anh L1 kê khai, xác nhận rồi đưa lại cho T. Nhưng T không xin việc cho anh L1 như đã hứa, mà sử dụng số tiền này tiêu xài cá nhân và đánh bạc hết. T cũng không cho Chị P tiền. Còn bộ hồ sơ xin việc T khai để ở văn phòng công ty A số 94B Trường Chinh, Huế bị thất lạc nên cơ quan điều tra không thu giữ được.

Ngày 20/6/2017, chị Phan Thị Mỹ H7 làm đơn tố cáo Nguyễn Chiến T có hành vi lừa đảo gửi cơ quan điều tra công an tỉnh Thừa Thiên Huế.

Ngày 09/8/2017 và 10/8/2017, cơ quan điều tra đã thu giữ 02 tờ giấy mượn tiền do Chị H7 giao nộp, 02 phiếu chuyển tiền tại ngân hàng do anh L1 giao nộp.

Ngày 10/8/2017, cơ quan điều tra trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết trên 02 tờ giấy mượn tiền. Tại bản kết luận giám định số 295 ngày 28/8/2017 của phòng Kỹ thuật hình sự công an tỉnh Thừa Thiên Huế xác định chữ ký và chữ viết là của Nguyễn Chiến T.

Ngày 11/8/2017, cơ quan điều tra có công văn số 1048 gửi Bệnh viện Trung ương Huế đề nghị cung cấp tài liệu, trong khoảng thời gian từ ngày 01/10/2016 trở đi, có tiếp nhận hồ sơ xin việc của anh Phan Văn L1 hay không. Ngày 22/8/2017, Bệnh viện trung ương Huế có công văn trả lời là không có.

Như vậy, trong vụ án này Nguyễn Chiến T đã chiếm đoạt của 22 người với tổng số tiền là 94.000.000 đồng + 2.953.906.000 đồng = 3.047.000.000 đồng. T khai nhận sử dụng như sau:

- Trả tiền công môi giới cho 03 người tổng cộng 144.000.000 đồng, gồm: anh Trần Anh D 5.000.000 đồng, anh Nguyễn Văn H2 5.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị H3 134.000.000 đồng, riêng chị N1, T chưa trả tiền.

- Trả tiền dạy tiếng Nhật cho 04 người 66.000.000 đồng, gồm: anh D 27.000.000 đồng, anh H2 24.000.000 đồng, anh T3 (không rõ họ tên, địa chỉ, số

điện thoại liên lạc hiện nay T khai đang ở Singapo) 9.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị V (không rõ họ tên thật, địa chỉ, nơi cư trú) 6.000.000 đồng.

- Trả tiền vay nợ cho chị Lê Thị Tú T (Sinh 1989, trú tại Huế) 310.000.000 đồng qua tài khoản số 0161000721986.

- Trả tiền thuê nhà cho anh Trương Như H là chủ nhà số 94B T, Huế 6 tháng từ tháng 10/2016 đến tháng 3/2017 là 42.000.000 đồng. Trả tiền thuê phòng trọ và điện nước cho anh Lê Viết N, trú tại Huế 5 tháng (từ tháng 8/2016 đến tháng 1/2017) là 21.000.000 đồng.

- Sử dụng số tiền còn lại 2.464.906.000 đồng để đánh bạc qua mạng, trả nợ tiền đánh bạc trước đó và tiêu xài cá nhân.

Hiện nay, 22 người bị hại đều yêu cầu T bồi thường đầy đủ, T chưa bồi thường.

Ngày 31/10/2017, bà Trịnh Thị Hoài T, là mẹ đẻ của T đã tự nguyện nộp 40.000.000 đồng cho cơ quan điều tra để giúp T khắc phục một phần hậu quả vụ án. Bà T không yêu cầu T phải trả lại số tiền này cho mình.

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã thu giữ gồm:

- Các bản sao giấy đăng ký kinh doanh, giấy phép hoạt động xuất khẩu lao động ra nước ngoài của công ty H tại thành phố Hồ Chí Minh do cơ quan điều tra yêu cầu cung cấp.

- Các bản sao điều lệ, đăng ký hoạt động doanh nghiệp một thành viên, thành lập công ty A, giấy đề nghị đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp A.

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty A và bản sao chứng minh nhân dân, hộ khẩu của Nguyễn Chiến T.

- 01 chứng minh nhân dân và 01 hộ chiếu (bản gốc) mang tên Nguyễn Chiến T.

- Bản in các tài liệu từ trong máy tính của Nguyễn Chiến T sử dụng soạn thảo các văn bản để lừa đảo mà cơ quan điều tra đã phục hồi được.

- 17 đơn tự nguyện và cam kết gửi công ty H tại thành phố Hồ Chí Minh, 16 bản cam kết tự nguyện tham gia học tiếng Nhật và kỹ năng phỏng vấn, 16 đơn xin tự nguyện cam kết chấp hành nội qui, qui định khóa học sau phỏng vấn chờ xuất cảnh của những người bị hại do T giao nộp.

- 02 phiếu đăng ký thông tin, 14 sơ yếu lý lịch, 05 phiếu xác minh, 09 bản tự thuật của những người bị hại do T giao nộp.

- Các bản sao kê tài khoản ngân hàng của Nguyễn Chiến T tại ngân hàng V chi nhánh Huế do cơ quan điều tra yêu cầu ngân hàng cung cấp.

- 01 danh sách 21 người dự kiến cung ứng cho công ty H tại thành phố Hồ Chí Minh, có đóng dấu của công ty A, trong đó có tên chị Dương Thị Thu P là bạn gái của T.

- 01 tập tài liêu song ngữ Việt- Nhật gồm 70 tờ.

- 18 cuốn hộ chiếu của 18 người bị hại và 8 ảnh của người bị hại.

- Các bản sao kê tài khoản ngân hàng của anh Nguyễn Văn T2 tại ngân hàng V chi nhánh Huế do cơ quan điều tra yêu cầu ngân hàng cung cấp.

- Các phiếu thu tiền, phiếu đặt cọc tiền, giấy chuyển tiền vào tại khoản và 01 số bản sao kê tin nhắn cơ quan điều tra đã thu giữ của 21 người bị hại để tiến hành giám định.

- 01 laptop hiệu ACER màu đen, model 5742- F52D/K do cháu Nguyễn Ánh N giao nộp, chủ sở hữu tài sản là chị Nguyễn Thị Ánh S mẹ cháu N.

- 40.000.000 đồng do bà Trinh Thị Hoài T giao nộp.

Vào các ngày 23/3/2017, 27/3/2017 và 16/8/2017, cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng như sau:

- Trả lại 14 cuốn hộ chiếu cho những người bị hại gồm: Nguyễn Hoàng Văn H4, Trần Thị H7, Phạm Danh H1, Phan Văn T4, Hoàng Thị T1, Nguyễn Thị N3, Nguyễn Huy P, Nguyễn Đình C, Phạm Xuân T5, Nguyễn Đình S, Lê Quốc D, Nguyễn Văn Q, Tống Thị V1, Hồ Viết Thiện N5.

- Trả lại 01 chứng minh nhân dân và 01 cuốn hộ chiếu cho Nguyễn Chiến T.

Ngày 16/9/2017, cơ quan điều tra tiến hành nhập kho vật chứng gồm: 01 Laptop hiệu ACER màu đen, model 5742- F52D/K, 04 cuốn hộ chiếu mang tên Nguyễn Thị L, Nguyễn Đình T, Hoàng Thị H và Nguyễn Thị N. Ngày 01/11/2017, cơ quan điều tra gửi 40.000.000 đồng vào kho bạc Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế.

Ngày 04/01/2018, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế ra quyết định chuyển vật chứng số 01 gồm: 01 laptop, 04 cuốn hộ chiếu và 40.000.000 đồng, theo biên bản đã thu giữ đến cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế để phục vụ công tác xét xử.

Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 27/2018/HS-ST ngày 19/7/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã quyết định:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Chiến T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Áp dụng Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; Nghị quyết số 01/2016/NQ-HĐTP ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13; Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Chiến T 14 (mười bốn) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam 16/3/2017.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/7/2018 bị cáo Nguyễn Chiến T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, với các lý do: Bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; tác động gia đình khắc phục hậu quả; trong thời gian phục vụ tại ngành công an có nhiều thành tích xuất sắc trong học tập và công tác, nên được tặng thưởng bằng khen và nhiều giấy khen; bố mẹ hưu trí, có công với nước được tặng thưởng nhiều huân huy chương và Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng; bản thân vi phạm lần đầu, không có vợ, có con 06 tuổi ở với cha mẹ già yếu.

Ngày 28/7/2018 người bị hại Phạm Danh H1 kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Chiến T lên mức án cao nhất và buộc bị cáo phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt. Đơn kháng cáo còn có chữ ký của những người bị hại Nguyễn Thị L, Hoàng Thị H, Nguyễn Thị N, Hoàng Thị T1, Nguyễn Huy P và đại diện các gia đình bị hại Nguyễn Đình T, Trần Đình P, Nguyễn Văn G bố Nguyễn Đình S), Nguyễn Hữu H, Nguyễn Đình K, Nguyễn Văn H.

Ngày 01/8/2018 người bị hại Hoàng Thị T1, Nguyễn Thị N, Hoàng Thị H kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Chiến T và xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại dân sự của bị cáo T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như đã khai tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình là nguy hiểm, nhưng bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như trong đơn kháng cáo nên bị cáo giữ nguyên đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Những người bị hại Phạm Hoàng D, Hoàng Thị T1, Nguyễn Thị N, Hoàng Thị H không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên các đơn kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt tù và buộc bị cáo bồi thường thiệt hại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm về vụ án cho rằng: Về tố tụng, HĐXX tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, về nội dung, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ căn cứ xác định Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo là đúng người đúng tội. Xét hành vi và hậu quả do bị cáo gây ra thì mức án mà cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo là tương xứng. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo không cung cấp được chứng cứ hoặc tình tiết giảm nhẹ nào mới, nên không có cơ sở giảm nhẹ hình phạt, những người bị hại cũng không cung cấp được tình tiết tăng nặng nào đối với bị cáo cũng như các tình tiết mới về bồi thường thiệt hại, do vậy đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và của những người bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị cáo Nguyễn Chiến T và những người bị hại Phạm Hoàng Danh, Hoàng Thị T1, Nguyễn Thị N, Hoàng Thị H gửi đơn kháng cáo hợp lệ trong thời hạn nên được xem xét chấp nhận. Riêng những người bị hại và người nhà bị hại như Nguyễn Thị L, Nguyễn Đình S, Nguyễn Huy P, Nguyễn Đình T, Trần Đình P, Nguyễn Hữu H, Nguyễn Đình K, Nguyễn Văn H đã ký vào đơn kháng cáo của ông Phạm Danh H1, Tòa án cấp sơ thẩm đã thông báo việc sửa đổi, bổ sung đơn kháng cáo nhưng những người này không thực hiện, vì vậy yêu cầu kháng cáo chưa hợp lệ, nên không được chấp nhận .

[2] Về nội dung: Nguyễn Chiến T là giám đốc công ty TNHH tư vấn dịch vụ A có chức năng dạy tiếng Nhật, tư vấn dịch vụ và môi giới lao động. Vào giữa tháng 5 năm 2016 do bị thua cá độ bóng đá trên mạng internet nên T đã nghĩ ra cách lừa đảo chiếm đoạt tiền của người khác để trả nợ và tiếp tục chơi cá độ bóng đá. Để thực hiện hành vi trên, T bịa ra thông báo là công ty có chức năng đưa người đi xuất khẩu lao động ra nước ngoài theo diện "Phái cử", người nào có nhu cầu sẽ làm hồ sơ, học tiếng Nhật tại công ty 06 tháng và nộp phí trọn gói là 6000USD (tương đương 132.000.000VND), đặc cọc trước 4000USD, khi nào có lịch bay thì nộp 2000USD còn lại. Sau đó T còn bịa ra nhiều khoản phí khác để chiếm đoạt thêm tiền của người đăng ký như: Tiền chênh lệch tỉ giá USD, tiền mua ba lô, va ly, phí ký túc xá, tiền may đồng phục và giáo trình, tiền hồ sơ phái cử, tiền giáo dục định hướng, tiền vé máy bay vào thành phố Hồ Chí Minh, tiền bảo hiểm tự nguyện ở Nhật...tổng số tiền T chiếm đoạt của 20 người là 2.953.906.000đ, gồm:

1 - Chị Tống Thị V1, sinh năm 1977, trú tại 3/81 đường H, phường V, thành phố H, 151.300.000 đồng.

2- Anh Phan Văn T4, Sinh năm 1992, trú tại thôn H, xã TH, huyện T, tỉnh Hà Nam, 179.440.000 đồng.

3- Chị Nguyễn Thị N3, trú tại thôn Nam Thành, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh, 150.300.000 đồng.

4- Chị Nguyễn Thị L, Sinh năm 1984, trú tại thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh, 151.340.000 đồng.

5- Chị Nguyễn Thị N, Sinh năm 1996, trú tại thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh, 168.470.000 đồng.

6- Anh Nguyễn Đình S, sinh năm 1989, trú tại thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh, 152.300.000 đồng.

7- Anh Nguyễn Đình C, sinh năm 1996, trú tại thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh, 175.610.000 đồng.

8- Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1991, trú tại thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh, 166.470.000 đồng.

9- Anh Phạm Danh H1, sinh năm 1998, trú tại thôn 10, xã Q, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh, 152.300.000 đồng.

10- Anh Phạm Xuân T5, sinh năm 1990, trú tại thôn 9, xã Phú Định, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, 158.360.000 đồng, Anh T5 chỉ yêu cầu T bồi thường 148.360.000 đồng.

11- Anh Lê Quốc D, sinh năm 1991, trú tại thôn Đ, xã QT, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế, 106.195.000 đồng.

12- Anh Nguyễn Hoàng Văn H4, sinh năm 1998 và ông Nguyễn Văn D là bố đẻ anh H4, sinh năm 1974, cùng trú tại xã PM, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, 109.200.000 đồng.

13- Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1990, trú tại thôn 2, xã Q, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh, 156.390.000 đồng. ,

14- Anh Nguyễn Huy P, sinh năm 1995, trú tại thôn 3, xã Q, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh, 106.300.000 đồng.

15- Anh Nguyễn Đình T7, sinh năm 1992, trú tại thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh, 150.300.000 đồng.

16- Chị Trần Thị H7, sinh năm 1993, trú tại thôn 3, xã Q, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh, 150.000.000 đồng.

17- Chị Hoàng Thị T1, sinh năm 1998, trú tại thôn B, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh, 168.470.000 đồng.

18- Chị Lê Thị Phương N4, sinh năm 1998, trú tại thôn L, xã M, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh, 158.000.000 đồng.

19- Anh Hồ Viết Thiện N5, sinh năm l998, trú tại tổ 3, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế, 70.021.000 đồng.

20- Chị Nguyễn Thị Hường T9, sinh năm 1998, trú tại thôn Đ, xã Mai Phụ, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh, 173.140.000 đồng.

Ngoài ra T còn lừa đảo chiếm đoạt tiền xin việc làm của 02 người là 94.000.000đ, gồm:

1- Anh Phan Nhật L1, sinh năm 1990, trú tại: thôn K, xã TA, huyện T, tỉnh Quảng Trị; Chỗ ở: 81/5 đường B, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, 90.000.000đ.

2- Chị Phan Thị Mỹ H7, trú tại 81/5 đường B, phường P, thành phố H, Thừa Thiên-Huế, 4.000.000đ.

Tổng cộng T chiếm đoạt 3.047.906.000đ.

[3] Với hành vi và số tiền chiếm đoạt như đã nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo Nguyễn Chiến T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" với tình tiết định khung "Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 500.000.000đ trở lên" (có khung hình phạt từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân) theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009) là đúng người đúng tội đúng pháp luật. Bị cáo được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 là: Đã bồi thường một phần thiệt hại là 40.000.000đ ; Quá trình điều tra và tại phiên tòa đã tỏ ra ăn năn hối cải và khai báo thành khẩn cụ thể rõ ràng. Ngoài ra cấp sơ thẩm còn áp dụng cho bị cáo một số tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 là: Trong thời gian phục vụ tại ngành công an có nhiều thành tích xuất sắc trong học tập và công tác, nên được tặng thưởng bằng khen và nhiều giấy khen; bố mẹ hưu trí, có công với nước được tặng thưởng nhiều huân huy chương và Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng; bản thân vi phạm lần đầu, không có vợ, có con 06 tuổi ở với cha mẹ già yếu. Cân nhắc giữa 03 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 và nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51, nên cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 14 năm tù so với khung hình phạt từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân là thỏa đáng.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Chiến T yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo với lý do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Như đã phân tích ở phần [2], Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tất cả các tình tiết giảm nhẹ, tại phiên tòa hôm nay bị cáo không xuất trình thêm được tình tiết giảm nhẹ nào mới mà chưa được cấp sơ thẩm xem xét áp dụng. Tuy nhiên luật

sư bào chữa cho bị cáo đề nghị chuyển tình tiết "Bị cáo có nhiều thành tích xuất sắc trong học tập và công tác" từ khoản 2 sang khoản 1 Điều 51, vì bị cáo được Bộ công an tặng bằng khen do có thành tích xuất sắc trong học tập khi còn là sinh viên của trường cảnh sát. HĐXX cấp phúc thẩm xét thấy lời đề nghị của luật sư là có cơ sở nên chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo về việc xin giảm nhẹ một phần hình phạt.

[5] Xét kháng cáo của những người bị hại Phạm Hoàng D, Hoàng Thị T1, Nguyễn Thị N, Hoàng Thị H yêu cầu cấp phúc thẩm tăng mức hình phạt tù và xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại. Xét thấy bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với 04 tình tiết giảm nhẹ nên không có cơ sở tăng hình phạt cho bị cáo, riêng việc xác định trách nhiệm bồi thường cấp sơ thẩm đã làm rõ nên cấp phúc thẩm không cần phải xác định lại.

[6] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận, nên bị cáo Nguyễn Chiến T không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Những người bị hại không phải chịu án phí phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

1/ Chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Chiến T, không chấp nhận kháng cáo tăng hình phạt của những người bị hại Phạm Hoàng Danh, Hoàng Thị T1, Nguyễn Thị N, Hoàng Thị H. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 27/2018/HS-ST ngày 19/7/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

-Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Chiến T** phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*

- Áp dụng Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; Nghị quyết số 01/2016/NQ-HĐTP ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13; Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Chiến T **13 (mười ba)** năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam 16/3/2017.

2/ Về án phí: Bị cáo T và những người bị hại có kháng cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng(1);
- TAND tỉnh Thừa Thiên-Huế (1);
- VKSND tỉnh Thừa Thiên-Huế (1);
- Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên-Huế (1);
- Cục THADS tỉnh Thừa Thiên-Huế (1);
- Công an tỉnh Thừa Thiên-Huế (1);
- Trại giam CA tỉnh Thừa Thiên-Huế (1);
- Bị cáo (Trại giam CA tỉnh Thừa Thiên-Huế tống đạt cho bị cáo)(1)
- UBND xã, phường nơi cư trú của bị cáo (thay cho việc thông báo bằng văn bản) (1)
- Bị hại ( )
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ( )
- Lưu hồ sơ (1), án văn (1), văn phòng (2).TC 20.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Trường